THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH BẰNG TIẾNG ANH TẠI HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Phạm Thị Thu Trang*, Mai Thị Mỹ Hạnh,
Trần Thị Hồng Hạnh, Phạm Gia Bảo, Kim Hồng Anh, Trần Duy Bách

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

**Tác giả liên hệ: ptttrang.cnsh@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 11.09.2024 Ngày chấp nhận đăng: 28.11.2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành để đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Phương pháp lấy mẫu có chủ đích trên 30 giảng viên và 169 sinh viên các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh cho thấy đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo và cách thức tổ chức lớp học, phương tiện và tài liệu học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá, hỗ trợ học tập là các yếu tố thuận lợi trong triển khai đào tạo. Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh gồm: Có các chính sách động viên, hỗ trợ giảng viên và sinh viên, tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy cho giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh cơ bản, cung cấp đầy đủ tài liệu điện tử, tài liệu song ngữ và các phần mềm học tiếng Anh cho sinh viên, đa dạng hóa hoạt động trong lớp học.

Từ khóa: Học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh, chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao.

Current Situation and Solutions to Improve the Quality of Teaching and Learning Specialized Courses using English Language at Vietnam National University of Agriculture

ABSTRACT

The study was conducted to assess the current situation and propose solutions to improve the quality of training specialized courses using English language at the Vietnam National University of Agriculture. Purposive sampling of 30 lecturers and 169 students of English-taught training programs showed that teaching staff, training program and classroom organization, learning materials and resources, assessment methods, learning support were advantageous factors in training implementation. There should be policies to support lecturers and students, organize training courses and seminars to share experiences on teaching methods for lecturers, improve the quality of basic English training, provide electronic documents, bilingual documents and English learning software for students and diversify classroom activities to improve the quality of teaching specialized courses using English.

Keywords: Specialized courses in English, Advanced program, High quality program.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Do tác động ngày càng sâu rộng của toàn cầu hoá đặt ra yêu cầu đối với các tổ chức giáo dục đại học cần tăng cường hội nhập và quốc tế hóa để bắt kịp xu thế phát triển của thế giới. Sử dụng tiếng Anh như một phương tiện giảng dạy là một trong nhiều sáng kiến được áp dụng tại nhiều cơ sở giáo dục trên cả nước (Hồ Thị Bạch Mai, 2022). Điều này không chỉ góp phần nâng cao trình độ tiếng Anh của giảng viên trong nghiên cứu, xuất bản và giảng dạy mà còn trang bị lợi thế lớn cho sinh viên sau khi ra trường khi có trình độ chuyên môn cao và năng lực tiếng Anh thành thạo giúp sinh viên có lợi thế cạnh tranh khi xin việc tại các công ty, tập đoàn quốc tế cũng như xin học bổng đi du học nước ngoài.

Trên thế giới từ những năm 1990, mô hình đào tạo các học phần chuyên ngành bằng ngôn

ngữ không phải tiếng mẹ đẻ đã được ứng dụng một cách chính thống và thành công cho học sinh ở nhiều quốc gia thuộc Liên minh châu Âu như Pháp (chương trình EMILE), Tây Ban Nha (chương trình AICLE) và tại nhiều quốc gia có nền giáo dục phát triển như Canada (dạy học tiếng Pháp), Hàn Quốc, Hồng Kông (dạy học tiếng Anh) (Escobar, 2019).

Nắm bắt được xu thế trên, tại Việt Nam ngay từ năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 1400/2008/QĐ-TTG phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020" (kéo dài thời gian thực hiện đến năm 2025) trong đó một trong những nhiệm vụ trọng tâm là triển khai dạy học bằng ngoại ngữ một số môn cơ bản, chuyên ngành và chuyên sâu ở một số ngành và trường trọng điểm nhằm nâng cao trình độ và năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

Tuy nhiên trải qua hơn 15 năm triển khai tại Việt Nam, việc giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh tại các trường đại học vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Nguyên nhân của tình trạng trên liên quan chủ yếu đến bốn yếu tố cụ thể như sau: về yếu tố quản lý liên quan đến các cơ chế, chính sách (Chu Thu Hoàn, 2018) và cách thức tổ chức, quản lý lớp học (Meshihito, 2008); về yếu tố Giảng viên liên quan đến phương pháp sư phạm, năng lực tiếng Anh (Nguyễn Văn Long & Ngô Quang Minh Hải, 2018; Nguyễn Thị Thu Hằng, 2024) và nhận thức của giảng viên (Nina, 2022); về yếu tố Sinh viên liên quan đến nhận thức của sinh viên (Nguyễn Thị Thu Hà, 2024), động lực, sự tương tác với tài liệu học tập và trình độ tiếng Anh (Nguyễn Trung Hiếu & Trần Quốc Thảo, 2023) và các yếu tố phụ trợ khác như phương pháp đánh giá (Đặng Thị Minh Tâm & cs., 2023), giáo trình, tài liệu học tập (Hoàng Văn Hào, 2019).

Từ năm 2008, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) đã triển khai các chương trình đào tạo đại học dạy và học bằng tiếng Anh là Khoa học cây trồng tiến tiến và Quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến; năm 2012, Học viện tiếp tục triển khai đào tạo chương trình Công nghệ sinh học chất lượng cao, năm 2013 là Kinh tế nông nghiệp chất lượng cao và năm 2017 là Kinh tế tài chính chất lượng cao. Trải qua hơn 10 năm thực hiện, các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh của VNUA đã bộc lộ nhiều khó khăn và thách thức trong quá trình triển khai dẫn đến số lượng sinh viên theo học các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh giảm dần hằng năm (Hình 1).

Hình 1. Số lượng sinh viên các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh từ khóa 64 - khóa 68

Theo báo cáo khảo sát việc làm năm 2023 của VNUA (Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023) tỷ lệ sinh viên các chương trình đào tạo dạy bằng tiếng Anh có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp đạt từ 94% đến 100%, nhiều sinh viên làm việc tại các công ty, tập đoàn nước ngoài hoặc đi du học tại các nước tiên tiến như Hàn Quốc, Mỹ, Anh,… Các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh có vai trò quan trọng trong việc nâng cao vị thế của Học viện, tăng cường năng lực sử dụng ngoại ngữ của giảng viên cũng như trang bị kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ giúp sinh viên ra trường thuận lợi trong quá trình xin việc làm và định hướng học tập nâng cao. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh thông qua khảo sát giảng viên và sinh viên và đề xuất các giải pháp hỗ trợ nâng cao chất lượng dạy và học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập thông tin

Số liệu được thu thập bằng phương pháp khảo sát giảng viên và sinh viên thông qua Phiếu khảo sát. Các câu hỏi trong phiếu khảo sát sử dụng Thang đo Likert 5 mức độ (1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Trung lập; 4 = Đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý) để đo lường mức độ đồng ý của đối tượng khảo sát đối với nội dung nghiên cứu Andrew (2021). Phiếu khảo sát được thiết kế gồm ba phần chính:

(1) Thông tin chung liên quan đến đối tượng khảo sát;

(2) Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh, tập trung vào 6 khía cạnh khác nhau (Sinh viên, Giảng viên, Chương trình đào tạo và cách thức tổ chức lớp học, Phương tiện và tài liệu học tập, Kiểm tra đánh giá, Hỗ trợ học tập - thông tin cụ thể thể hiện ở bảng 1);

(3) Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học.

2.2. Phương pháp lấy mẫu

Phương pháp lấy mẫu có chủ đích (purposive sampling) được sử dụng để thực hiện khảo sát giảng viên và sinh viên của các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh trong tháng 5/2024.

Kết quả khảo sát thu về 30 phiếu khảo sát giảng viên (trong đó 8 giảng viên Khoa CNSH, 7 giảng viên Khoa Nông học, 8 giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, 7 giảng viên Khoa Kinh tế và Quản lý và 1 giảng viên Khoa Tài nguyên và Môi trường) và 169 phiếu khảo sát sinh viên (Bảng 2).

2.3. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu được xử lý thống kê bằng phầm mềm IBM SPSS Stastistics 20. Độ tin cậy của của biến khảo sát được kiểm định bằng hệ số tương quan Cronbach's Alpha, các biến có hệ số tin cậy từ 0.7 trở lên sẽ được đánh giá đủ độ tin cậy (George & Mallery's, 2003) và được tính Giá trị trung bình của biến (Mean). Giá trị trung bình của biến sẽ được quy đổi theo thang đo Linkert 5 mức độ cụ thể như sau: 4,21-5,00: Rất đồng ý; 3,41-4,20: Đồng ý; 2,61-3,40: Trung lập; 1,81-2,60: Không đồng ý và 1,00-1,80: Rất không đồng ý (Andrew, 2021).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mô tả đặc điểm của mẫu điều tra

Số liệu trong bảng 3 thể hiện đặc điểm của giảng viên đang giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh tại VNUA. Giảng viên tham gia khảo sát chiếm đa số là nữ (70%) với 90% giảng viên có trình độ tiến sĩ (16,7% có học hàm phó giáo sư). Về trình độ ngoại ngữ, gần 70% giảng viên có trình độ tiếng Anh là C1 và C2 theo khung tham chiếu châu Âu (CEFR) và hơn 30% giảng viên mới đạt trình độ tiếng Anh B2 nhưng được đào tạo tại nước ngoài nên có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Về kinh nghiệm giảng dạy, đa số giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy trên 10 năm (93,3%) và có kinh nghiệm giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh trên 5 năm (83,3%) nhiều thầy cô tham gia giảng dạy một đến hai học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh (80%). Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên đã đáp ứng yêu cầu của giảng viên tham gia giảng dạy tại các CTĐT dạy bằng tiếng Anh theo quy định của Học viện (2021) và Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ (2014).

Bảng 1. Tiêu chí đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí đánh giá (Mã hóa)	Nguồn tham khảo
Về sinh viên (sinh viên)	Trình độ tiếng Anh của sinh viên không đồng đều (sinh viên1); sinh viên chưa nhận thức được lợi ích khi tham gia lớp học (sinh viên2); sinh viên chưa có phương pháp học tập phù hợp (sinh viên3)	Hoàng Văn Hào (2019); Nguyễn Thị Thu Hằng (2024)
Về giảng viên (giảng viên)	Giảng viên hiểu rõ về lý thuyết và cách vận hành lớp chuyên ngành bằng tiếng Anh (giảng viên1); giảng viên xây dựng chương trình đào tạo đa dạng (giảng viên2); giảng viên có kiến thức ngôn ngữ và kinh nghiệm giảng dạy (giảng viên3); giảng viên sử dụng linh hoạt tiếng Việt và tiếng Anh trong giảng dạy (giảng viên4); giảng viên có phương pháp giao tiếp/tương tác phù hợp (giảng viên5); giảng viên có khả năng hợp tác với đồng nghiệp (giảng viên6); giảng viên thiết kế và sử dụng công cụ giảng dạy (giảng viên7); giảng viên có kiến thức chuyên môn đầy đủ (giảng viên8); giảng viên có trình độ ngoại ngữ phù hợp (giảng viên9)	María (2021); Nguyễn Thị Thu Hằng (2024); Chu Thu Hoàn (2018); Hoàng Văn Hào (2019)
Chương trình đào tạo (CTĐT) và cách thức tổ chức lớp học	CTĐT được thiết kế phù hợp với mô hình đào tạo (CT1); CTĐT có sự tương đồng với các CTĐT tương tự trong và ngoài nước (CT2); Thời lượng tiếng Anh cơ bản phù hợp (CT3); Mô hình lớp học đa dạng (CT4); Quy mô lớp học phù hợp (CT5); Hoạt động lớp học lấy sinh viên làm trung tâm (CT6); Sử dụng phương pháp học tập tương tác (CT7)	Meshihito (2008); Chu Thu Hoàn (2018)
Phương tiện và tài liệu học tập	Giáo trình phù hợp năng lực sinh viên (GT1); Giáo trình truyền tải nội dung và ngôn ngữ (GT2); Bài giảng phù hợp (GT3); Sử dụng hiệu quả Công nghệ thông tin (GT4); Tài liệu học tập đầy đủ; cập nhật (GT5)	Nguyễn Trung Hiếu; Trần Quốc Thao (2023); Hoàng Văn Hào (2019); Nguyễn Thị Thu Hà (2024)
Kiểm tra đánh giá	Phương pháp đánh giá quá trình (ĐGQT) phù hợp (ĐG1); Đánh giá cuối kỳ phù hợp (ĐG2); Tiêu chí chấm điểm được công bố công khai (ĐG3); Nội dung đánh giá tích hợp nội dung và ngôn ngữ (ĐG4); Kết quả học tập cải thiện thông qua ĐGQT (ĐG5); Giảng viên cung cấp hướng dẫn chi tiết trong ĐGQT (ĐG6); Giảng viên cung cấp phản hồi cho sinh viên trong ĐGQT (ĐG7); Giảng viên điều chỉnh hoạt động trong ĐGQT (ĐG8); Bài tập về nhà phù hợp (ĐG9)	Đặng Thị Minh Tâm & cs. (2023); Chu Thu Hoàn (2018)
Hỗ trợ học tập	Sinh viên/giảng viên được sự hỗ trợ của các nhóm đa chuyên môn (HT1); Giảng viên/sinh viên được hỗ trợ đầy đủ (HT2); Sinh viên/giảng viên hài lòng với hệ thống hỗ trợ hiện có (HT3)	María (2021)

Bảng 2. Số lượng sinh viên các ngành/khóa tham gia khảo sát

Ngành \ Khóa	K64	K65	K66	K67	K68	Tổng số
Công nghệ sinh học chất lượng cao	33	19	16	10	11	89
Kinh tế tài chính chất lượng cao	22	16	17	10	4	45
Kinh tế nông nghiệp chất lượng cao	7	9	3	0	0	9
Quản trị kinh doanh tiên tiến	18	15	5	5	0	11
Khoa học cây trồng tiên tiến	16	10	4	6	4	15
Tổng số	33	41	45	31	19	169

Bảng 4 thể hiện đặc điểm của sinh viên đang theo học các CTĐT bằng tiếng Anh của VNUA tham gia khảo sát. sinh viên tham gia khảo sát là nữ chiếm 61,5%, trên 90% sinh viên đã học trên 10 học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh. Trình độ tiếng Anh của sinh viên khá đa dạng từ trình độ A2 đến C1 (theo khung tham chiếu châu Âu), tuy nhiên tỷ lệ sinh viên đạt trình độ B1 và B2 là chủ yếu. Về kết quả học tập, sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá chiếm đa số (56,2%) sau đó đến giỏi (24,3%) đặc biệt tỷ lệ sinh viên đạt loại xuất sắc chiếm 13,6% và chỉ có một số ít sinh viên có kết quả học tập loại trung bình (5,9%) điều này chứng tỏ kết quả học tập của sinh viên các CTĐT bằng tiếng Anh là khá tốt.

Bảng 3. Đặc điểm của giảng viên tham gia khảo sát

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo giới tính		
Nam	9	30,0
Nữ	21	70,0
Theo trình độ		
Thạc sĩ	3	10,0
Tiến sĩ	22	73,3
PGS. TS	5	16,7
Số lượng học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh giảng dạy		
Một học phần	15	50,0
Hai học phần	9	30,0
Từ 3 học phần	6	20,0
Trình độ tiếng Anh		
B1	0	0,0
B2	10	33,3
C1	12	40,0
C2	8	26,7
Kinh nghiệm giảng dạy		
Từ 1-5 năm	0	0,0
Từ 5-10 năm	2	6,7
Trên 10 năm	28	93,3
Kinh nghiệm giảng dạy HP chuyên ngành bằng tiếng Anh		
Từ 1-5 năm	5	16,7
Từ 5-10 năm	15	50,0
Trên 10 năm	10	33,3

Bảng 4. Đặc điểm của sinh viên tham gia khảo sát

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Về giới tính		
Nam	65	38,5
Nữ	104	61,5
Số lượng học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh đã học		
Dưới 5 học phần	5	3,0
Từ 5-10 học phần	10	5,9
Trên 10 học phần	154	91,1
Trình độ tiếng Anh		
A2	11	6,5
B1	66	39,1
B2	81	47,9
C1	9	5,3
C2	2	1,2
Kết quả học tập		
Trung bình	10	5,9
Khá	95	56,2
Giỏi	41	24,3
Xuất sắc	23	13,6

Bảng 5. Kết quả khảo sát giảng viên và sinh viên về thực trạng đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh
(nhóm tiêu chí Sinh viên và Giảng viên)

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá của giảng viên			Kết quả đánh giá của sinh viên		
		Hệ số Cronbach Alpha	Điểm trung bình	Kết luận	Hệ số Cronbach Alpha	Điểm trung bình	Kết luận
Sinh viên	SV1	0,904	3,17	Trung lập	0,962	3,92	Đồng ý
	SV2	0,904	4,03	Đồng ý	0,961	3,07	Trung lập
	SV3	0,903	2,87	Trung lập	0,961	3,60	Đồng ý
Giảng viên	GV1	0,898	3,50	Đồng ý	0,959	4,15	Đồng ý
	GV2	0,898	4,30	Rất đồng ý	0,958	3,96	Đồng ý
	GV3	0,899	4,07	Đồng ý	0,959	4,15	Đồng ý
	GV4	0,903	4,24	Rất đồng ý	0,959	4,4	Rất đồng ý
	GV5	0,897	3,67	Đồng ý	0,958	4,11	Đồng ý
	GV6	0,895	4,23	Rất đồng ý	959	3,92	Đồng ý
	GV7	0,898	4,17	Đồng ý	0,958	4,15	Đồng ý
	GV8	0,900	4,07	Đồng ý	0,959	4,18	Đồng ý
	GV9	0,897	4,27	Rất đồng ý	0,958	4,04	Đồng ý

3.2. Thực trạng đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh

Kết quả đánh giá của giảng viên (GV) và sinh viên (SV) về thực trạng đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh được thể hiện ở bảng 5 và bảng 6 cho thấy tất cả các tiêu chí đánh giá đều có hệ số Cronbach Alpha trên 0,8, điều đó thể hiện các thang đo này có tính nhất quán cao, đảm bảo độ tin cậy.

3.2.1. Tiêu chí đánh giá sinh viên

Trong nhóm tiêu chí đánh giá SV có sự khác biệt trong đánh giá của GV và SV giữa các tiêu chí. Nhận định của sinh viên về khó khăn trong quá trình học tập là trình độ tiếng Anh của sinh viên không đồng đều (SV1) và một bộ phận sinh viên chưa nhận thức được lợi ích khi tham gia lớp học chuyên ngành bằng tiếng Anh (SV2) là phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hằng (2024) và Hoàng Văn Hào (2019).

3.2.2. Tiêu chí đánh giá giảng viên

Kết quả khảo sát cho thấy tất cả tiêu chí đều đạt được mức độ đánh giá Đồng ý/Rất đồng ý của giảng viên và sinh viên. Kết quả này có sự khác biệt so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hằng (2024), Chu Thu Hoàn (2018), Hoàng Văn Hào (2019) cho thấy ngôn ngữ là một trong những thách thức và khó khăn của giảng viên khi giảng dạy và nghiên cứu của Hồ Thị Bạch Mai (2022) thể hiện khó khăn khác của giảng viên là sự thiếu hụt các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh.

3.2.3. Tiêu chí về chương trình đào tạo và cách thức tổ chức lớp học

Theo Chu Thu Hoàn (2018), CTĐT cần được thiết kế cân đối cả về nội dung và ngôn ngữ, chương trình cần tuân theo mục tiêu và quan điểm chung của trường, đảm bảo sự hài hòa và phù hợp với cả 3 nhóm đối tượng là nhà quản lý, giảng viên và sinh viên. Điều này được thể hiện rõ rệt ở các CTĐT tại VNUA thông qua kết quả đánh giá Đồng ý và Rất đồng ý của cả giảng viên và sinh viên với các tiêu chí khảo sát.

3.2.4. Tiêu chí về phương tiện và tài liệu học tập

Trong các CTĐT bằng tiếng Anh tại VNUA, tuy chưa có nhiều giáo trình được thiết kế riêng cho từng học phần nhưng hệ thống bài giảng được giảng viên xây dựng và cập nhật thường xuyên nên về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu

trong đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh. Hoàng Văn Hào (2019) cũng khẳng định hiệu quả của việc giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh sẽ được nâng lên khi giáo trình, tài liệu học tập đáp ứng được yêu cầu. Ngoài ra, khả năng sử dụng linh hoạt công nghệ thông tin và các thiết bị giảng dạy của giảng viên cũng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Điều này thể hiện ở kết quả đánh giá Đồng ý và Rất đồng ý ở cả giảng viên và sinh viên khi được khảo sát về Phương tiện và tài liệu học tập.

3.2.5. Tiêu chí về kiểm tra đánh giá

Theo nghiên cứu của Đặng Thị Minh Tâm & cs. (2022) quá trình đánh giá có vai trò giúp đo lường sự tiến bộ và tạo động lực học tập cho người học cũng như đánh giá sự hiệu quả trong phương pháp giảng dạy của giảng viên. Trong các CTĐT bằng tiếng Anh tại VNUA, phương pháp và cách thức đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ sẽ được giảng viên công bố vào buổi học đầu tiên và thể hiện trong đề cương chi tiết cung cấp cho sinh viên. Các tiêu chí chấm điểm theo rubric được xây dựng phù hợp với nội dung bài học, đáp ứng được chỉ báo, mục tiêu của học phần. Trong quá trình đào tạo, giảng viên cung cấp các phản hồi cho sinh viên thông qua hoạt động đánh giá quá trình như tiểu luận, thuyết trình, seminar,...

Bảng 6. Kết quả khảo sát giảng viên và sinh viên về thực trạng đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh (nhóm tiêu chí khác)

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá của giảng viên			Kết quả đánh giá của sinh viên		
		Hệ số Cronbach Alpha	Điểm trung bình	Kết luận	Hệ số Cronbach Alpha	Điểm trung bình	Kết luận
CTĐT và cách thức tổ chức lớp học	CT1	0,900	3,87	Đồng ý	0,958	3,88	Đồng ý
	CT2	0,902	3,90	Đồng ý	0,958	3,91	Đồng ý
	CT3	0,901	4,03	Đồng ý	0,958	3,89	Đồng ý
	CT4	0,902	3,43	Đồng ý	0,958	3,84	Đồng ý
	CT5	0,898	3,83	Đồng ý	0,959	3,93	Đồng ý
	CT6	0,898	4,30	Rất đồng ý	0,958	3,86	Đồng ý
	CT7	0,899	4,23	Rất đồng ý	0,958	3,86	Đồng ý
Phương tiện và tài liệu học tập	GT1	0,900	4,33	Rất đồng ý	0,958	3,82	Đồng ý
	GT2	0,900	3,43	Đồng ý	0,958	3,98	Đồng ý
	GT3	0,900	3,90	Đồng ý	0,958	3,98	Đồng ý
	GT4	0,899	4,20	Đồng ý	0,958	3,89	Đồng ý
	GT5	0,901	4,23	Rất đồng ý	0,959	4,07	Đồng ý
Kiểm tra đánh giá	ĐG1	0,899	4,00	Đồng ý	0,958	4,01	Đồng ý
	ĐG2	0,899	4,33	Rất đồng ý	0,959	3,99	Đồng ý
	ĐG3	0,898	4,23	Rất đồng ý	0,959	4,09	Đồng ý
	ĐG4	0,898	4,57	Rất đồng ý	0,959	4,12	Đồng ý
	ĐG5	0,900	4,20	Đồng ý	0,958	4,02	Đồng ý
	ĐG6	0,900	4,30	Rất đồng ý	0,958	4,01	Đồng ý
	ĐG7	0,897	4,24	Rất đồng ý	0,958	3,92	Đồng ý
	ĐG8	0,900	4,20	Đồng ý	0,958	3,98	Đồng ý
	ĐG9	0,899	4,20	Đồng ý	0,959	3,93	Đồng ý
Hỗ trợ học tập	HT1	0,898	3,40	Trung lập	0,959	3,86	Đồng ý
	HT2	0,898	3,73	Đồng ý	0,958	4,06	Đồng ý
	HT3	0,897	3,73	Đồng	0,958	3,85	Đồng ý

Kết quả khảo sát cho thấy quá trình kiểm tra đánh giá đều đáp ứng được yêu cầu thông qua kết quả đánh giá ở mức Đồng ý và Rất đồng ý của cả giảng viên và sinh viên.

3.2.5. Tiêu chí về hỗ trợ học tập

Sự hỗ trợ của các nhóm đa chuyên môn đặc biệt là các trợ lý ngôn ngữ đối với giảng viên cũng như cố vấn học tập đối với sinh viên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình đào tạo các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh (María, 2021). Tại VNUA cả giảng viên và sinh viên đều nhận được sự hỗ trợ từ trợ lý đào tạo, lãnh đạo khoa, bộ môn và các phòng ban trong quá trình triển khai hoạt động dạy học. Đặc biệt sinh viên còn có sự tư vấn của thầy cô giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập và được tham gia các hoạt động ngoại khóa thông qua các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,... Kết quả khảo sát có sự khác biệt trong đánh giá của giảng viên và sinh viên ở tiêu chí HT1: giảng viên chỉ đánh giá ở mức Trung lập, sinh viên đánh giá mức Đồng ý. Hai tiêu chí còn lại (HT2, HT3) đều được đánh giá ở mức Đồng ý. Theo đặc thù của đào tạo chuyên ngành bằng tiếng Anh khi có sự hỗ trợ từ các trợ lý ngôn ngữ như các phần mềm giảng dạy, trợ giảng/tình nguyện viên ngôn ngữ,... sẽ giúp cho quá trình giảng dạy hiệu quả hơn, tuy nhiên, trong triển khai các CTĐT dạy bằng tiếng Anh tại VNUA vẫn sử dụng các phòng học thông thường và chưa có sự hỗ trợ về ngôn ngữ cho giảng viên trong quá trình giảng dạy.

3.3. Giải pháp

Từ phân tích về thực tiễn áp dụng cũng như những vấn đề còn tồn tại trong các CTĐT bằng tiếng Anh trên thế giới và ở Việt Nam, nhóm nghiên cứu đã đưa ra các gợi ý về một số giải pháp giúp nâng cao chất lượng đào tạo dưới góc độ của giảng viên và sinh viên. Kết quả khảo sát được thể hiện ở hình 2 và hình 3.

3.3.1. Giải pháp nâng cao chất lượng dạy

Kết quả khảo sát giảng viên cho thấy tất cả các giải pháp đưa ra đều nhận được sự đồng thuận ở mức trên 50% của các giảng viên tham gia khảo sát. Giải pháp liên quan đến các nhà quản lý ban hành chính sách động viên, hỗ trợ giảng viên được sự đồng ý đến 93% và các nhóm giải pháp liên quan đến nâng cao kỹ năng sư phạm trong đào tạo chuyên ngành bằng tiếng Anh (giải pháp 2, 5, 6) nhận được sự đồng thuận cao (từ 87-97%). Trên thực tế VNUA đã ban hành các quy định về nhiệm vụ và quyền của giảng viên các CTĐT bằng tiếng Anh (Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021), các chính sách này về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu của giảng viên trong dạy học, tuy nhiên do đặc thù của việc giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh có phương pháp giảng dạy phức tạp nên việc tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các lớp tập huấn về lý thuyết và cách vận hành, phương pháp giảng dạy các lớp chuyên ngành bằng tiếng Anh là vô cùng cần thiết. Ngoài ra, việc hỗ trợ giảng viên các phần mềm dạy học tiếng Anh, có đội ngũ trợ giảng/tình nguyện viên nói tiếng Anh tham gia vào quá trình đào tạo sẽ hỗ trợ tốt hơn cho giảng viên và sinh viên trong giảng dạy và học tập.

Giải pháp về xây dựng các bước cụ thể triển khai hoạt động giảng dạy có kết quả đồng ý ở mức thấp nhất (chỉ 67%), hiện nay các bước triển khai hoạt động giảng dạy của các CTĐT bằng tiếng Anh của Học viện cũng được thực hiện giống như các CTĐT tiêu chuẩn khác, vì vậy các nhà quản lý cũng nên nghiên cứu để đưa ra quy trình rõ ràng hơn và có sự khác biệt, ưu tiên hơn so với các chương trình tiêu chuẩn để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Nhóm giải pháp về ban hành các chính sách, cơ chế khuyến khích, khen thưởng giảng viên trong việc biên soạn giáo trình, giáo án dạy bằng tiếng Anh (Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, 2015) và tổ chức các khóa tập huấn, hội nghị hội thảo trong nước và quốc tế để giảng viên nâng cao kỹ năng và phương pháp sư phạm trong giảng dạy học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh cũng được Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2015) và Hoàng Văn Hào (2019) đề cập đến trong nghiên cứu của mình.

3.3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng học

Kết quả khảo sát sinh viên thể hiện ở hình 3 cho thấy tất cả các giải pháp đưa ra đều có

mức đồng ý cao (từ 89,3% đến 98,2%) cho thấy sinh viên rất mong nhận được các biện pháp hỗ trợ để nâng cao chất lượng học tập các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh. Trong các CTĐT bằng tiếng Anh tại VNUA trong năm thứ nhất sinh viên được học 30 tín chỉ tiếng Anh cơ bản, tuy nhiên vẫn có một số sinh viên sau năm thứ nhất không đáp ứng được yêu cầu và phải thi lại hoặc chuyển sang học ngành khác vì vậy sinh viên có mong muốn tăng cường chất lượng và thời gian học các học phần tiếng Anh cơ bản. Nghiên cứu của María (2021) khẳng định rằng trình độ ngoại ngữ không đồng đều của sinh viên là một trong những khó khăn cơ bản khi triển khai giảng dạy các CTĐT bằng tiếng Anh.

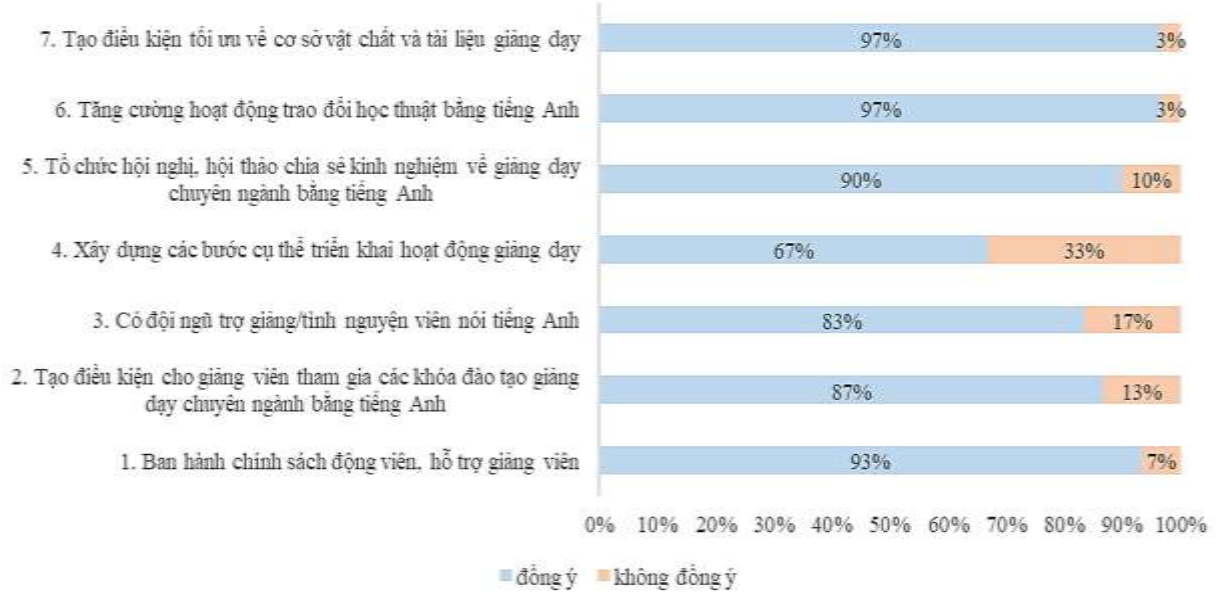

Hình 2. Kết quả khảo sát giảng viên về các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh

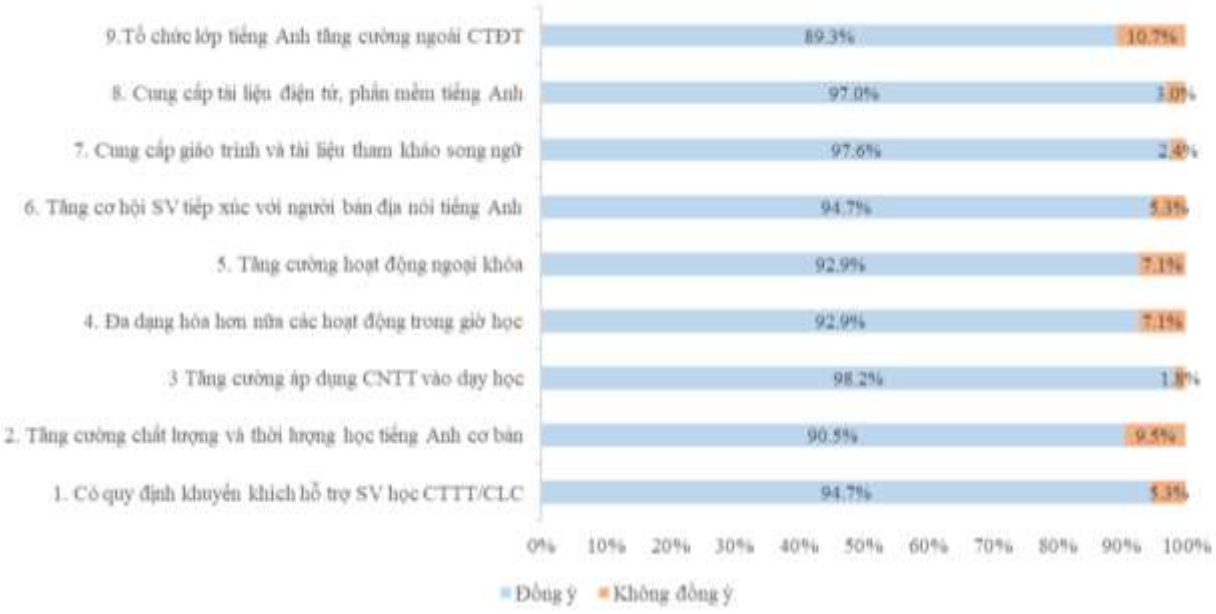

Hình 3. Kết quả khảo sát sinh viên về các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh

Đối với sinh viên khi học các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh sẽ gặp rất nhiều khó khăn do phải tiếp thu, ghi nhớ cả các kiến thức chuyên môn và các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh. Trên thực tế tại VNUA, sinh viên theo học các CTĐT dạy bằng tiếng Anh đều được cung cấp tài liệu học tập đầy đủ dưới dạng bài giảng hoặc giáo trình đơn ngữ chứ chưa có giáo trình song ngữ được biên soạn chuyên biệt. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hà (2024) trước khi đến lớp, sinh viên nên được cung cấp bảng chú giải các thuật ngữ chuyên ngành để giúp họ hiểu các thuật ngữ của bài học và thuận lợi tham gia các hoạt động thảo luận trên lớp. Để sinh viên dễ dàng tra cứu và hiểu các tài liệu chuyên môn, việc được cung cấp các tài liệu điện tử và phần mềm tiếng Anh là nhu cầu chính đáng và cần thiết. Ngoài ra khi sinh viên được tăng cơ hội tiếp xúc với người bản địa nói tiếng Anh và các hoạt động ngoại khóa sẽ giúp sinh viên tăng sự tự tin, tăng khả năng phản xạ ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp

Theo nghiên cứu Lê Thị Tuyết Hạnh (2021), việc giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh không chỉ đơn giản là việc dịch nội dung các môn học sang tiếng Anh hoặc trình chiếu các slides bằng tiếng Anh, để giảng dạy tốt các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, giảng viên cần có các kỹ năng đặc thù để thiết kế các hoạt động trong lớp học. Tại VNUA, lớp học sử dụng phương pháp học tập tương tác cơ bản như seminar, thuyết trình, làm tiểu luận,… vì vậy sinh viên có mong muốn giảng viên đa dạng hóa hơn các hoạt động dạy học (đóng kịch, nghiên cứu trường hợp, hoạt động trải nghiệm) và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Trong nghiên cứu của Chern & Lo (2017), các tác giả đã khẳng định hiệu quả của việc dạy học các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh tăng lên khi giảng viên sử dụng đa dạng các hoạt động tương tác trong lớp học như cho sinh viên thuyết trình, đóng kịch, nghiên cứu trường hợp, hoạt động trải nghiệm, khách mời và thực tập. Các hoạt động này hỗ trợ hiệu quả cho giảng viên trong việc truyền tải kiến thức cũng như tăng động lực và hứng thú học tập cho sinh viên.

4. KẾT LUẬN

Chất lượng dạy học các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh đóng vai trò quyết định trong việc triển khai và hiệu quả đào tạo các CTĐT đại học giảng dạy bằng tiếng Anh tại VNUA. Kết quả nghiên cứu cho thấy đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu; CTĐT và cách thức tổ chức lớp học phù hợp; phương tiện và tài liệu học tập đầy đủ, cập nhật; các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tính chính xác, hiệu quả; giảng viên và sinh viên nhận được sự hỗ trợ từ các nhóm đa chuyên môn là các yếu tố giúp CTĐT bằng tiếng Anh triển khai thuận lợi. Tuy nhiên, bên cạnh đó, năng lực tiếng Anh của sinh viên không đồng đều, một bộ phận nhỏ sinh viên thiếu động lực học tập và chưa có phương pháp học tập phù hợp cũng như giảng viên và sinh viên chưa nhận được nhiều sự hỗ trợ về ngôn ngữ dẫn đến những khó khăn cho cả giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy và học. Hiện nay, các hoạt động đang được triển khai tại VNUA đã đáp ứng được yêu cầu trong dạy học các CTĐT bằng tiếng Anh, tuy nhiên để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, tiệm cận với các quy định của CTĐT tương tự tại nước ngoài, Học viện và các Khoa cần triển khai thêm các chính sách động viên, hỗ trợ giảng viên và sinh viên; tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy cho giảng viên; nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh cơ bản, cung cấp đầy đủ tài liệu điện tử, tài liệu song ngữ và các phần mềm học tiếng Anh cho sinh viên và đa dạng hóa hơn nữa các hoạt động trong lớp học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Andrew T. Jebb, Vincent Ng & Louis Tay (2021). A Review of Key Likert Scale Development Advances: 1995-2019, Sec. Quantitative Psychology and Measurement. Vol. 12. doi.org/10.3389/fpsyg.2021.637547.

Chu Thu Hoàn (2018). Vai trò của giáo viên trong việc dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ. Tạp chí Giáo dục. 423: 27-31.

Chu Thu Hoàn (2018). Những thách thức của việc dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ. Tạp chí Giáo dục. Số đặc biệt: 169-175.

Chiou-Lan Chern & Mei-Lan Lo (2017). Instructional Activities that Motivate Learners in Tourism Program, English as a Medium of Instruction in Higher Education. Springer. pp. 115-128.

Đặng Thị Minh Tâm, Nguyễn Bảo Châu & Nguyễn Thị Huyền (2023). Phương pháp đánh giá tính xác thực trong giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh tại một trường đại học ở Việt Nam. Tạp chí Ngôn ngữ. 3: 30-27.

Escobar Urmeneta C. (2019). An Introduction to Content and Language Integrated Learning (CLIL) for Teachers and Teacher Educators. CLIL Journal of Innovation and Research in Plurilingual and Pluricultural Education. 2(1): 7-19. doi.org/10.5565/rev/clil.21.

Hoàng Văn Hào & Phạm Thùy Dương (2019). Một số giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh trong đào tạo cử nhân Quản lí công ở Việt Nam. Tạp chí Giáo dục. Số đặc biệt: 254-258.

Ho Thi Bach Mai (2022). New approach to design emi courses on blended -learning platform at Hanoi University of Industry. Journal of Science & Technology. 58(6A): 92-95. doi.org/10.57001/huih5804.76.

Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2021). Quyết định 2021/QĐ-HVN về Quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ. Truy cập từ https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf ngày 20/7/2024

Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023). Báo cáo khảo sát việc làm năm 2023. Truy cập từ https://vnua.edu.vn/hoc-bong-va-viec-lam/viec-lam ngày 20/7/2024.

Lê Thị Tuyết Hạnh (2021). Chương trình dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục đại học trong nước và trên thế giới: Thực trạng áp dụng và đề xuất cải thiện. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam. 37: 60-64.

María Luisa Pérez Cañado (2021). Inclusion and diversity in bilingual education: a European comparative study. International Journal of Bilingual Education and Bilingualism. doi.org/10.1080/13670050.2021.2013770.

Nguyễn Thị Thu Hằng & Nguyễn Thị Mai Hoa (2024). Giảng dạy tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL) ở Việt Nam: thách thức và giải pháp. Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài. 40(2).

Nguyễn Thị Thu Hà (2024). Nhận thức của sinh viên đối với tương tác trong lớp học chuyên ngành bằng tiếng Anh tại một trường đại học kỹ thuật ở Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài. 40(2).

Thủ tướng Chính phủ (2008). Quyết định số 1400/QĐ-TTG ngày 30/9/2008 Phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020". Truy cập từ https://chinhphu.vn/ default.aspx?pageid = 27160&docid = 7843 ngày 15/7/2024.

Thủ tướng Chính phủ (2014). Quyết định 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 Quy định dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác. Truy cập từ https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giaoduc/Quyet-dinh-72-2014-QD-TTg-day-hoc-bang-tieng-nuoc-ngoai-trong-nha-truong-co-so-giao-duckhac-260652.aspx ngày 15/7/2024

Thủ tướng Chính phủ (2017). Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025. Truy cập từ https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid = 27160&docid = 192343 ngày 15/7/2024.